

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TBV22B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Sinh lý thực vật - Giống CT(4)	ĐTPH dịch hại cây trồng(4)	Tiếng anh(4)	Đất và phân bón(1)	Điểm TB	Xếp loại
1	2256201161347	Nguyễn Phương Bắc	20/12/2007	8.7	5.9	9.2	7.0	7.7	7.8	Khá
2	2256201161348	Trần Văn Chí Bình	14/12/2007	8.7	7.3	5.2	6.7	5.8	6.0	Trung bình
3	2256201161349	Nguyễn Văn Bùng	07/04/2007	5.4	6.7	8.2	6.8	5.6	6.9	Trung bình
4	2256201161350	Vũ Hoàng Danh	28/09/2007	7.5	5.9	7.8	5.0	6.9	6.5	Trung bình
5	2256201161351	Thiều Thị Thùy Dung	16/03/2007	7.5	5.6	8.0	5.5	6.5	6.6	Trung bình
6	2256201161352	Phạm Trường Duy	23/10/2006	5.9	6.2	9.4	6.5	6.6	7.4	Khá
7	2256201161353	Nguyễn Thị Thảo Duyên	12/08/2007	6.9	5.3	7.4	8.2	5.4	6.9	Trung bình
8	2256201161355	Bùi Thành Đạt	26/09/2007	8.3	5.2	7.5	5.7	5.8	6.2	Trung bình
9	2256201161356	Phan Thành Đạt	04/09/2007	5.4	5.7	7.5	7.4	5.7	6.8	Trung bình
10	2256201161357	Nguyễn Long Giang	13/04/2007	7.0	6.3	8.0	7.2	8.0	7.6	Khá
11	2256201161358	Trần Phạm Thanh Hải	09/02/2007	5.9	6.7	5.1	5.5	5.1	5.3	Trung bình
12	2256201161359	Nguyễn Thị Hậu	02/10/2006	7.3	5.0	5.3	5.1	5.8	5.4	Trung bình
13	2256201161360	Trần Văn Hậu	27/07/2007	7.1	5.3	6.8	5.6	5.7	6.0	Trung bình
14	2256201161361	Dương Quốc Hùng	26/04/2007	6.2	5.4	6.5	7.0	5.1	6.1	Trung bình
15	2256201161362	Nguyễn Thị Tuyết Hường	18/08/2007	6.0	5.6	7.7	6.3	5.9	6.6	Trung bình
16	2256201161363	Đồng Thị Như Huỳnh	11/06/2007	7.0	5.4	7.9	6.8	6.4	6.9	Trung bình
17	2256201161364	Nguyễn Hữu Khải	01/12/2007	8.3	5.0	7.1	6.2	5.3	6.1	Trung bình
18	2256201161365	Nguyễn Phương Chế Khang	06/04/2007	6.9	6.2	8.0	6.6	7.0	7.1	Khá
19	2256201161366	Nguyễn Đăng Khoa	21/07/2007	7.9	5.0	8.3	5.1	7.8	6.9	Trung bình
20	2256201161727	Nguyễn Thanh Hiệp	02/06/2007	7.7	5.0	6.8	6.7	6.5	6.5	Trung bình

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 17 tháng 08 năm 2023
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái